

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 97/2024/HS-PT

Ngày: 17/6/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Thành.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trường Du.

Ông Lê Ngọc Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 117/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024. Do Bản án sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXXPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024.

* Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Hoàng Thành T**, tên gọi khác: Không - Sinh 1988 tại Thanh Hóa;

Nơi cư trú: **Tổ A, C, phường L, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Hoàng Hữu T** (SN 1955) và bà **Lê Thị L** (SN 1955); Vợ: **Tổng Thị Thu H** (SN 1990 - đã ly hôn) và có 01 con (SN 2022); Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 29/9/2015 Tòa án nhân dân huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/01/2017; Ngày 23/6/2017 Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/3/2019; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam **Công an tỉnh T** (có mặt).

* Những người bị hại (không kháng cáo):

1. Anh **Chu Ngọc T1** (SN 1991). Địa chỉ: **Thôn T, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa** (vắng mặt).

2. Anh **Nguyễn Văn H1** (SN 1990). Địa chỉ: **Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa** (vắng mặt).

3. Chị **Nguyễn Thị Lan A** (SN 1994). Địa chỉ: **Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa** (vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (không kháng cáo):*

1. Anh **Mai Thanh T2** (SN 1995). Địa chỉ: **Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hưng Yên** (vắng mặt).

2. Anh **Trần Hồng C** (SN 1991). Địa chỉ: **Ngõ C, phố N, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình** (vắng mặt).

3. Anh **Vũ Văn K** (SN 1978). Địa chỉ: **Xóm F, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ 1: Sáng ngày 13/10/2023, **Hoàng Thành T3** đi bộ đến khu vực **thôn T, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**, mục đích để trộm cắp tài sản; khi đi qua nhà anh **Chu Ngọc T1**, **T3** phát hiện trong sân có xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 36B4-250.19, chìa khóa xe đang cắm ở ổ khóa điện; quan sát thấy không có người trông coi, **T3** đi vào sân đến vị trí dựng xe mô tô mở khóa điện, nổ máy rồi điều khiển xe ra **Quốc lộ A**, hướng về **thị xã B** qua **xã H** đến **huyện K, tỉnh Ninh Bình** để tìm nơi tiêu thụ. **T3** đến nhà anh **Trần Hồng C** ở **ngõ C, phố N, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình** và nhờ anh **C** tìm người để bán xe; anh **C** hỏi về nguồn gốc và giấy tờ xe thì **T3** nói đây là xe của mình, giấy tờ vợ đang cầm. Trước đó anh **C** được anh **Vũ Văn K** ở **xóm F, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình** nhờ tìm hộ xe máy cũ để mua nên anh **C** dẫn **T3** đến nhà anh **K** để bán xe; gặp anh **K**, **T3** chào bán xe 36B4-250.19, anh **K** hỏi nguồn gốc và giấy tờ xe thì **T3** tiếp tục nói là xe của mình, vợ đang cầm giấy tờ, do đi vội nên không mang theo; **T3** nói với anh **K** “anh cầm tạm cho em lấy 2 triệu, hôm sau em mang giấy tờ ra anh đưa thêm cho mấy triệu nữa”; anh **K** đồng ý mua rồi đưa cho **T3** 2.000.000 đồng; sau khi bán xe, **T3** đưa cho anh **C** 50.000 đồng để đồ xăng rồi quay về **thị xã B**, số tiền còn lại từ việc bán xe 36B4 - 250.19 **T3** đã sử dụng. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 36B4-250.19 màu đỏ đen, số khung 3222EY038033, số máy JA32E0038121, đăng ký mang tên ông **Chu Văn H2** (SN 1959) ở **thôn T, xã Y** là bố đẻ anh **T1** (Quá trình giải quyết vụ án ông **H2** đã ủy quyền cho anh **T1**).

Vụ thứ 2: Khoảng 7^h ngày 16/10/2023, **Hoàng Thành T** đến nhà anh **Nguyễn Văn H1** (anh **H1** là bạn làm cùng Công ty trước đây với **T3**); khi ở nhà

anh H1, T3 thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu xanh, số IMEI 1: 862173063829453, số IMEI 2: 862173063829446, bên trong lắp sim số 0329.469.163 của anh H1 để trên giường ở phòng khách nên nảy sinh ý định trộm cắp, lợi dụng việc anh H1 đi lại trong nhà không chú ý đến điện thoại, T3 lén lút lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần; sau đó, T3 nhờ anh H1 chở đến nhà Văn hóa thôn T, xã H, T xuống xe đi bộ còn anh H1 đi công việc cá nhân; đến 7^h30' cùng ngày, anh H1 về nhà thì phát hiện điện thoại OPPO A57 bị mất.

Vụ thứ 3: Sau khi được anh Nguyễn Văn H1 chở đến nhà Văn hóa thôn T, T3 đi bộ trên đường và gặp anh Trương Văn H3 trú tại thôn Đ, xã H, T xin đi nhờ xe, anh H3 đồng ý và chở T3 đến ngã 3 trước cổng nhà thờ giáo xứ Đ thì dừng lại; lúc này, T3 xuống xe tiếp tục đi bộ về hướng thôn Đ, xã H, T phát hiện có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vison màu xanh, BKS 36B3-513.46, đăng ký mang tên Nguyễn Thị Lan A, chìa khóa xe đang cắm trên ổ khóa điện. Quan sát thấy không có người trông coi, T3 vào mở khóa xe, nổ máy rồi điều khiển xe 36B3-513.46 ra đường liên thôn sang huyện N. Trên đường đi, đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Mai Thanh T2 ở thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, T3 vào bán chiếc điện thoại OPPO A57 vừa trộm cắp được của anh Nguyễn Văn H1. Khi xem điện thoại, anh T2 hỏi T3 về nguồn gốc thì T3 nói đây là điện thoại của mình, đang cần tiền nên bán; anh T2 đồng ý mua chiếc điện thoại với giá 01 triệu đồng, T3 tháo sim 0329.469.163 rồi đưa điện thoại cho anh T2, T3 cầm 01 triệu đồng rồi tiếp tục điều khiển xe 36B3-513.46 hướng ra huyện K, tỉnh Ninh Bình. Trên đường đi, T3 ném sim 0329.469.163 ở dọc đường (không nhớ cụ thể ở đâu); đến thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình, T3 gặp người có tên là T4 (Theo T3 trình bày, T4 là người nghiện các chất ma túy, nhưng không biết cụ thể thông tin, địa chỉ ở đâu) và nhờ đi bán xe máy 36B3-513.46 nhưng không nói rõ về nguồn gốc xe. T4 đồng ý rồi một mình mang xe 36B3-513.46 đi; một lúc sau, Trường quay lại và đưa cho T3 1.000.000 đồng, T3 không biết T4 mang xe mô tô đi bán cho ai, ở đâu, T3 cầm tiền và sử dụng cá nhân.

Quá trình điều tra, ngày 19/10/2023 anh Vũ Văn K và anh Mai Thanh T2 đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave RSX, màu đỏ đen, BKS 36B4-250.19, số khung 3222EY038033, số máy JA32E0038121 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu xanh, số IMEI 1: 862173063829453, số IMEI 2: 862173063829446.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Vision BKS 36B3-513.46, hồi 22^h30' ngày 20/10/2023, Tổ tuần tra Công an thị trấn H trong khi làm nhiệm vụ phát hiện đang dừng tại khu vực điểm dừng xe buýt thuộc tiểu khu F, thị trấn H, huyện H nhưng không gắn BKS, không có người quản lý, sử dụng. Qua tra cứu, xác định chiếc xe mô tô trên là tang vật của vụ trộm cắp tài sản ngày 16/10/2023 tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên ngày 21/10/2023 Công an thị trấn H đã bàn giao

chiếc xe mô tô cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H giải quyết theo quy định.

* *Kết luận định giá tài sản số 46/KLĐG ngày 25/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H*, kết luận: Xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu đỏ đen, số khung: 3222EY038033, số máy: JA32E0038121, BKS 36B4-250.19, đã qua sử dụng (Giấy đăng ký xe số 029611, ngày 11/02/2025) giá trị tại thời điểm hiện tại là 6.500.000đ; Xe máy nhãn hiệu Honda Vision, BKS 36B3-513.46, số khung: DY426708, số máy: 33E0506852, đã qua sử dụng (Giấy đăng ký xe ngày 09/01/2014), giá trị tại thời điểm hiện tại là 7.500.000đ; Điện thoại di động OPPO A57 màu xanh, số IMEI 1: 862173063829453, số IMEI 2: 862173063829446, đã qua sử dụng (mua mới năm 2022), giá trị tại thời điểm hiện tại là 2.000.000đ.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H đã trích xuất hình ảnh thu giữ tại thiết bị Camera ở nhà chị Nguyễn Thị Lan A ở thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ghi lại hình ảnh trộm cắp xe máy BKS 36B3-513.46 của Hoàng Thành T3 (01 video) và hình ảnh thu giữ tại thiết bị Camera tại quán mua bán điện thoại của anh Mai Thanh T2 ghi lại hình ảnh Hoàng Thành T đến bán chiếc điện thoại OPPO A57 (03 video).

* *Kết luận giám định số 19/KL-KTHS ngày 03/01/2024 của Phòng K1, Công an tỉnh T*, kết luận: Không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong 04 video gửi giám định.

* *Vật chứng của vụ án*: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda wave RSX màu đỏ đen, BKS 36B4 -250.19, số khung 3222EY038033, số máy JA32E0038121; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, BKS 36B3-513.46, số khung DY426708, số máy 33E0506852; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, màu xanh, số IMEI 1: 862173063829453, số IMEI 2: 862173063829446, hiện đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật. 01 (một) áo dài tay, có mũ và khóa kéo (dạng áo chống nắng), màu xanh đen, kẻ sọc ca rô, phần cánh tay áo bên trái có 02 vết rách của Hoàng Thành T được chuyển đến Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hà Trung chờ xét xử.

* *Về dân sự*: Anh Chu Ngọc T1, anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thị Lan A đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại; anh Vũ Văn K và Mai Thanh T2 tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H các tài sản là vật chứng của vụ án để điều tra làm rõ theo quy định của pháp luật, đồng thời không có yêu cầu đề nghị gì về việc Hoàng Thành T phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Bản án Hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 13/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã tuyên bị cáo Hoàng Thành T3 phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự (BLHS); Điều

106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS); Điều 21; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt: Bị cáo **Hoàng Thành T3 02 (Hai)** năm **03 (Ba)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2023. Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/3/2024, bị cáo **Hoàng Thành T3** có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Thanh Hóa sau khi phân tích tính chất vụ án, nhân thân, hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như tình tiết mới được bổ sung tại phiên tòa đã đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Hoàng Thành T3**, giữ nguyên mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được lỗi lầm, hứa không vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Xét về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 333 BLTTHS, nên đơn kháng cáo được coi là hợp pháp. Do vậy, HĐXX chấp nhận đơn của bị cáo để xem xét nội dung kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội cụ thể:

Vụ thứ 1: Sáng ngày 13/10/2023, **T3** đi qua nhà anh **Chu Ngọc T1** ở **thôn T, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa** thấy trong sân có xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 36B4-250.19, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện; **T3** đi vào vị trí dựng xe mở khóa điện, nổ máy rồi điều khiển xe ra **Quốc lộ A** rồi đến **huyện K, tỉnh Ninh Bình** để tìm nơi tiêu thụ; sau đó **T3** đã gặp và nói dối là xe của mình, vợ đang cầm giấy tờ, do đi vội nên không mang theo rồi bán cho anh **Vũ Văn K** ở **xóm F, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình** với giá 2.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 7^h ngày 16/10/2023, **Hoàng Thành T** đến nhà anh **Nguyễn Văn H1** (anh **H1** là bạn làm cùng Công ty trước đây với **T3**) chơi và lấy trộm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, màu xanh, số IMEI 1: 862173063829453, số IMEI 2: 862173063829446 của anh **H1** để trên giường ở

phòng khách; sau đó T3 đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Mai Thanh T2 ở thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa bán chiếc điện thoại OPPO A57 vừa trộm cắp được của anh H1 với giá 1.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Sau khi lấy được điện thoại của anh H1, T3 tiếp tục đi bộ về thôn Đ, xã H; khi đi đến trước cổng nhà chị Nguyễn Thị Lan A thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, mang BKS 36B3-513.46, chìa khóa xe cắm trên ổ khóa điện; T3 vào mở khóa xe, nổ máy rồi điều khiển xe đi sang thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình, T3 gặp người có tên là T4 (theo T3 khai) và nhờ đi bán xe mô tô 36B3-513.46 với giá 1.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 46/KLĐG ngày 25/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: Xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu đỏ đen, số khung: 3222EY038033, số máy: JA32E0038121, BKS 36B4-250.19, có giá trị tại thời điểm hiện tại là 6.500.000đ; xe máy nhãn hiệu HONDA VISION, BKS 36B3-513.46, số khung: DY426708, số máy: 33E0506852, có giá trị tại thời điểm hiện tại là 7.500.000đ; điện thoại di động OPPO A57, màu xanh, số IMEI 1: 862173063829453, số IMEI 2: 862173063829446, có giá trị tại thời điểm hiện tại là 2.000.000đ.

Lời thừa nhận về hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại cấp sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Cấp sơ thẩm đã xác định tội danh và khung hình phạt cho bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hoàng Thành T3:

[3.1] Nhận thấy, khi lượng hình cấp sơ thẩm có xem xét, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã áp dụng các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ như: Trong ngày 13/10/2023 và 16/10/2023 bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 3 lần nên thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về việc thực hiện hành vi phạm tội; Sau khi phạm tội đã đầu thú, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu. Do đó được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nói trên cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo khỏi xã hội để cải tạo giáo dục là có căn cứ.

[3.2] HĐXX xét thấy bị cáo Hoàng Thành T3 phạm tội trộm cắp tài sản, mặc dù giá trị tài sản không lớn, tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án đưa ra xét xử nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học để sửa chữa lỗi

lâm của bản thân, phần đầu thành người công dân tốt mà vẫn tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Trong 2 ngày bị cáo đã liên tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp 3 lần nên thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS. Hơn nữa bị cáo kháng cáo nhưng tại cấp phúc thẩm không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá. Do đó, xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng và nhân thân để xử phạt bị cáo với mức hình phạt tù nghiêm khắc là phù hợp nên HĐXX không có căn cứ để xem xét nội dung kháng cáo, cần giữ nguyên mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên và tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và để đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Từ phân tích và nhận định nêu trên, HĐXX nhận thấy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Hoàng Thành T3** không có căn cứ chấp nhận. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị HĐXX áp dụng Điều 356 của BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt đã tuyên của Bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Hoàng Thành T3**. Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 13/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa về hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo **Hoàng T5** Trung phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Hoàng Thành T3** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (19/10/2023).

Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo **Hoàng Thành T3** phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- TAND, VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an H. Hà Trung, TH;
- TAND, VKSND H. Hà Trung, TH;
- Chi cục THADS H. Hà Trung, TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Quốc Thành